TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 10 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Phúc
2. Ông Võ Văn Cho
- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Lan Vân - Kiểm sát viên.
Ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2018/TL.ST-HNGĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự.
1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu N (có mặt)
Địa chỉ: Ấp TTA, xã TLT, huyện C, tỉnh H.
2. Bị đơn: Ông Trần Phát Đ (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp TTA, xã TLT, huyện C, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 10/7/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N trình bày: Bà và ông Trần Phát Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng hay bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng bà không còn sống chung với nhau 01 năm. Bà N xác định không thể tiếp tục duy trì được quan hệ hôn nhân nên yêu cầu ly hôn với ông Đ. Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung tên Trần Đăng K (nam), sinh ngày 01/4/2010 và Trần Ngọc Diễm M (nữ), sinh ngày 15/9/2015. Cháu M hiện đang sống với bà N, còn cháu K đang sống với ông Đ. Bà N yêu cầu được nuôi cháu M, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng và đồng ý giao cháu K cho ông Đ nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Trần Phát Đ đã được Tòa án triệu tập hợp

lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên chưa ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51; Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu N được ly hôn với ông Trần Phát Đ; về con chung: Giao cháu Trần Đăng K (nam), sinh ngày 01/4/2010 cho ông Đ nuôi dưỡng và giao cháu Trần Ngọc Diễm M (nữ), sinh ngày 15/9/2015 cho bà N nuôi dưỡng, ông Đ, bà N không có nghĩa vụ cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Thu N khởi kiện ông Trần Phát Đ yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà N, ông Đ xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp trên cơ sở giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa bà N, ông Đ phát sinh mâu thuẫn. Bà N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng hay bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Bà và ông Đ không còn chung sống với nhau đã 01 năm nên bà không còn tình cảm với ông Đ. Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Đ để động viên hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Đ không đến Tòa án. Từ những chứng cứ nêu trên cho thấy, mâu thuẫn giữa bà N, ông Đ là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu M từ nhỏ đã sống chung với gia đình bà N, sau khi vợ chồng không còn sống chung thì cháu M do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện tại chưa ghi nhận được ý kiến của ông Đ về yêu cầu con chung. Nên giao cháu M cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với cháu K, hiện đang sinh sống chung với gia đình của ông Đ, do ông Đành trực tiếp nuôi dưỡng, cháu K có nguyện vọng được sống chung với cha sau khi cha mẹ ly hôn và bà N cũng đồng ý giao cháu K cho ông Đ nuôi dưỡng nên giao cháu K cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Đ, bà N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên bà N, ông Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông Đ, bà N có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này giữa bà N, ông Đ phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà N phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu N được ly hôn với ông Trần Phát Đ.

Về con chung: Giao cháu Trần Đăng K (nam), sinh ngày 01/4/2010 cho ông Trần Phát Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên và giao cháu Trần Ngọc Diễm M (nữ), sinh ngày 15/9/2015 cho bà Nguyễn Thị Thu N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông Đ và bà N không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông Đ, bà N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai số 0014838 ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí dân sự sơ thẩm (bà N đã nộp xong).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Trường Long Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Diệu